

Bản án số: **62/2022/DS-ST**

Ngày: 31-03-2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

2. Ông Vũ Ngọc Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Quỳnh Mai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:

Ông Phan Trần Vĩnh Phúc - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03 và 31 tháng 03 năm 2022 tại Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2021/TLST-DS ngày 28 tháng 01 năm 2021, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2022/QĐST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2022 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2022/QĐST-DS ngày 03 tháng 03 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Tống Thị N - sinh năm 1970

Địa chỉ: đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn D - sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: đường D, phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (theo giấy ủy quyền số công chứng 004217, quyền số 03 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/07/2020 tại Văn phòng Công chứng Đỗ Trí Tín).

2. Bị đơn: Bà Lâm Thục M - sinh năm 1972

Địa chỉ: đường G, phường H, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thu H/ hoặc bà Nguyễn Hiền T/ hoặc bà Nguyễn Đặng Hồng N (theo giấy ủy quyền ngày 09/03/2022) (có mặt)

Địa chỉ: đường M, phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (theo giấy ủy quyền ngày 23/12/2021)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Sơn T, Luật sư của Công ty Luật TNHH Quốc tế TNTP & Các Cộng sự thuộc Đoàn luật sư Thành

phố Hồ Chí Minh (ngày 03/3/2022 có mặt, ngày 31/03/2022 vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Vũ Hùng T – sinh năm 1972 (ngày 03/3/2022 có mặt, ngày 31/03/2022 vắng mặt)

Địa chỉ: đường X, phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/07/2020 và quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn D trình bày:

Từ năm 2011 bà Tống Thị N có cho bà Lâm Thục M vay số tiền là 10.000 đô la Mỹ tương đương 210.000.000 đồng (*Hai trăm mười triệu đồng*) (theo tỷ giá hối đoái ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm cho vay tháng 12/2011). Vì là bạn bè thân thiết lâu ngày nên hai bên không lập bất kì văn bản nào về việc cho vay nêu trên, thời gian cũng đã lâu hai bên không nhớ rõ ngày tháng năm nào cho vay nên ngày 18/10/2017 bà N và bà M đã kí văn bản thỏa thuận xác nhận lại khoản nợ 10.000 đô la Mỹ nêu trên và cùng thống nhất xác nhận thời điểm vay và cho vay là ngày 31/12/2011.

Cũng khoảng thời gian năm 2011 bà M vay số tiền là 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*) của ông Vũ Hùng T. Đến thời hạn trả nợ, bà M không có tiền để trả nên tiếp tục mượn bà N số tiền là 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*) để trả nợ cho ông T. Vào ngày 18/10/2017 bà N và bà M đã kí văn bản thỏa thuận về việc bà N thực hiện nghĩa vụ trả nợ ông T thay nghĩa vụ trả nợ của bà M. Đồng thời bà M xác nhận khoản nợ 700.000.000 đồng đối với bà N.

Cả hai khoản vay trên được bà N và bà M lập, tái khẳng định trong văn bản thỏa thuận ngày 18/10/2017. Tại thời điểm lập thỏa thuận các bên không lập thỏa thuận lãi suất. Thời hạn vay được xác nhận khi bà M có khả năng trả hoặc khi bà N có nhu cầu đòi khoản tiền đã cho vay.

Giữa tháng 7/2018 do tình hình kinh tế khó khăn, hàng hóa kinh doanh quần áo của bà N không bán được do bên đặt hàng từ chối nhận hàng. Vì vậy bà N đã gọi điện thoại thông báo yêu cầu bà M trả nợ. Bà M hứa với bà N trong khoản một tuần sẽ trả cho bà N. Tuy nhiên ngay sau đó bà M chặn hết tất cả điện thoại của bà N, bà N không thể liên lạc với bà M được nữa. Bà N tìm đến nơi cư trú của bà M tại địa chỉ căn hộ A17.05, dự án Gateway, số 2, đường Lê Phước, phường Thảo Điền, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng trước đó bà M đã yêu cầu tòa nhà nơi có căn hộ không được phép cho ai lên gặp bà M, vì vậy bà N không thể gặp được.

Chính bởi những lẽ trên, bà N làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân Quận 10 thành phố Hồ Chí Minh:

1. Buộc bà Lâm Thục M trả cho bà Tống Thị N số tiền gốc là 10.000 đô la Mỹ tương đương 240.000.000 đồng.

2. Buộc bà Lâm Thục M trả cho bà Tống Thị N số tiền gốc là 700.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 30/12/2021 là 700.000.000 đồng x 1248 ngày

$x (0,83\%/tháng : 30) = 241.696.000$ đồng. Tổng cộng là 941.696.000 đồng.

Tổng số tiền yêu cầu là 1.181.696.000 đồng (*Một tỷ một trăm tám mươi một triệu sáu trăm chín mươi sáu ngàn đồng*)

Đối với ý kiến của bị đơn về việc: Bà N có tự ý lấy một lô hàng 8.500 cái áo dệt kim của bà M để bán lấy tiền trả cho một người tên AT, bà N không có ý kiến về nội dung này vì bà N đang khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản, đối với lời khai của bị đơn đối với lô quần áo trên thì không liên quan đến vụ án, nếu bà M có tranh chấp nộp đơn phản tố thì bà N sẽ có ý kiến trình bày sau.

Bà Tổng Thị N có gửi thông báo đòi nợ cho bà Lâm Thục M vào ngày 27/05/2021 và 24/06/2021 thì có bà Phùng Thị Huế H là mẹ của bà Lâm Thục M ký nhận.

Tôi đề nghị Tòa án ghi nhận vào lúc 14 giờ 30 phút ngày 30/12/2021 tôi là Nguyễn Văn D là người đại diện theo ủy quyền của bà Tổng Thị N có giao Thông báo v/v yêu cầu trả nợ ngày 30/12/2021 cho bà Nguyễn Thị Thu H là người đại diện theo ủy quyền và ông Nguyễn Sơn T là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lâm Thục M.

Tại các bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Do các thông tin bà N đề cập trong Đơn khởi kiện đã xảy ra khá lâu và bà M hiện không còn giữ bất kỳ tài liệu nào về vụ việc này nên bà M không còn nhớ về sự việc mà bà N trình bày và không thể xác định được các tài liệu mà bà N cung cấp. Tuy nhiên, bà M nhớ rằng vào tháng 03/2012 bà N có tự ý lấy một lô hàng 8.500 cái áo dệt kim của bà M để bán lấy tiền trả cho một người tên AT. Bà N có viết một bức thư tay thừa nhận hành vi này của mình. Giá thị trường mỗi cái áo vào thời điểm dao động khoảng 110.000 – 150.000 đồng, theo đó tổng giá trị của lô hàng khoảng 935.000.000 – 1.275.000.000 đồng. Kể từ thời điểm đó đến nay, bà N vẫn chưa hoàn trả hàng hoặc thanh toán cho bà M giá trị lô hàng.

Tại tờ tự khai ngày 30/11/2021 ông Vũ Hùng T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Trước đây vào năm 2011 bà Lâm Thục M có vay của ông Vũ Hùng T số tiền là 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*). Nhưng sau đó bà M không có tiền trả cho ông T.

Ông T được biết vào ngày 18/10/2017 giữa bà N và bà M có lập biên bản thỏa thuận: Bà N đồng ý cho bà M vay số tiền 700.000.000 đồng. Bà N dùng số tiền này trả cho ông T thay nghĩa vụ trả nợ của bà M.

Thực hiện thỏa thuận trên, vào ngày 07/12/2017 giữa ông T và bà N có lập biên bản thỏa thuận về việc trả nợ thay thế nghĩa vụ trả nợ của bà M, ông T đã nhận đủ 700.000.000 đồng. Do đó, đối với yêu cầu bà N buộc bà M trả lại số tiền vay 700.000.000 đồng là đúng, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà N.

Tại phiên tòa hôm nay,

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:* Nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: rút lại yêu cầu tính lãi đối với số tiền 700.000.000 đồng. Ông xác định lại yêu cầu khởi kiện của bà Tổng Thị N như sau:

1. Biên bản thỏa thuận (Về việc vay tiền) ngày 18/10/2017 là vô hiệu một phần;

2. Buộc bà Lâm Thục M trả lại cho bà Tổng Thị N số tiền VNĐ là 226.900.000 đồng (*Hai trăm hai mươi sáu triệu chín trăm ngàn đồng*) tương đương 10.000 đô la Mỹ (USD) theo tỷ giá USD mua vào của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ngày 31/03/2022;

3. Buộc bà Lâm Thục M trả lại cho bà Tổng Thị N số tiền 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*), không yêu cầu tính lãi cho đến ngày Tòa xét xử.

Tổng cộng là: 926.900.000 đồng (*Chín trăm hai mươi sáu triệu chín trăm ngàn đồng*) trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Giải quyết số tiền tạm ứng chi phí giám định mà nguyên đơn đã ứng ra.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn cùng trình bày:* Vẫn giữ nguyên ý kiến nhưng bổ sung thêm:

Trên tinh thần thiện chí hòa giải tại Tòa thì bà M đồng ý trả cho bà N số tiền là 450.000.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi triệu đồng*) và trả mỗi tháng 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

Đối với việc bà N lấy 8.500 áo dệt kim, bà M chỉ yêu cầu là áo dệt kim, không nói rõ là loại gì, chất liệu gì, không rõ AT là ai, người nào, tên gì, địa chỉ ở đâu. Bà M chỉ yêu cầu bà N trả tiền hàng hoặc trả lại áo. Bà M không có yêu cầu phản tố.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên ý kiến.*

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền, thời hiệu, quan hệ pháp luật tranh chấp. Những người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 123, Điều 131, Điều 469 của Bộ luật Dân sự 2015, Căn cứ Điều 22 Pháp lệnh ngoại hối sửa đổi, bổ sung năm 2013. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Lâm Thục M trả cho bà Tổng Thị N số tiền 226.900.000 đồng (tương đương 10.000 đô la Mỹ) và 700.000.000 đồng. Đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi trên số tiền 700.000.000 đồng do tại phiên tòa nguyên đơn xin rút lại yêu

cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Do bị đơn là bà Lâm Thục M cư trú tại Quận 10 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Phiên toà ngày 31/03/2022, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thông báo luật sư Nguyễn Sơn T xin vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Hùng T có đơn xin vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt luật sư và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b, đ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Yêu cầu trả tiền vay:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền vay theo Biên bản thỏa thuận (Về việc vay tiền) ngày 18/10/2017. Bị đơn không nhớ và không thể xác định được các tài liệu mà Bà Tổng Thị N cung cấp.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Thứ nhất, trong hồ sơ vụ án thể hiện bà Lâm Thục M có hai chữ ký, chữ viết, các tài liệu chứng cứ gồm:

1. “Căn cước công dân” số 079172011892, mang tên Lâm Thục M, đề ngày cấp 18/3/2019 (ký hiệu M1);

2. “Đơn yêu cầu photo, sao chụp tài liệu” đứng tên người viết đơn Lâm Thục M, đề ngày 04/9/2020 (ký hiệu M2);

3. “Hợp đồng ủy quyền” đứng tên bên ủy quyền Lâm Thục M, bên được ủy quyền Bùi Tiến L, số công chứng 009557, quyền số 09 TP/CC-SCC/HĐGD đề ngày 04/9/2020 (bản chính lưu tại Phòng công chứng Số 1 thành phố Hồ Chí Minh, ký hiệu M3);

4. “Biên bản giao nhận văn bản tố tụng” đứng tên người nhận Lâm Thục M, người giao Võ Thị Thu P, đề ngày 29/9/2020 (ký hiệu M4);

Đây là những tài liệu, chứng cứ có chữ ký, chữ viết, dấu vân tay do bà Lâm Thục M lăn tay trực tiếp tại Công an, ký viết trực tiếp tại Tòa, ký viết lăn tay trực tiếp tại Phòng công chứng Số 1. Nên Hội đồng xét xử có cơ sở xác định đây là chữ viết, chữ ký, dấu vân tay của bà Lâm Thục M.

5. “Đơn đề nghị” đứng tên người làm đơn Lâm Thục M, đề ngày 05/9/2020 (ký hiệu M5);

6. “Đơn yêu cầu” đứng tên người làm đơn Lâm Thục M, đề ngày 17/9/2020 (ký hiệu M6);

7. Văn bản đề “Gửi đến: Bà Tống Thị N” đứng tên Lâm Thục M, đề ngày 25/01/2022 (ký hiệu M7);

8. “Thư thông báo” đứng tên người làm đơn Lâm Thục M, đề ngày 07/3/2020 (ký hiệu M8).

Các tài liệu này chỉ có chữ ký (khác với chữ ký trên các tài liệu chứng cứ số 1,2,3,4), được gửi qua đường bưu điện hoặc người đại diện theo ủy quyền nộp thay, không có xác nhận chữ ký tại Ủy ban nhân dân Xã/Phường. Nên không xác định được đây có phải là chữ ký của bà M hay không.

Căn cứ vào kết luận giám định số 1563/KL-KTHS ngày 29 tháng 03 năm 2022 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

“1. Dấu vân tay mang tên Lâm Thục M dưới mục “Bên vay” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A (đã nêu ở mục II.1) so với dấu vân tay của Lâm Thục M trên tài liệu mẫu ký hiệu M1 (đã nêu ở mục II.2) là dấu vân tay của cùng một người.

2. Chữ viết nội dung “Đã đọc và đồng ý”, chữ viết họ tên “Lâm Thục M”, chữ ký mang tên Lâm Thục M dưới mục “Bên vay” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A (đã nêu ở mục II.1) so với chữ viết, chữ ký của Lâm Thục M trên 03 (ba) tài liệu mẫu ký hiệu từ M2 đến M4 (đã nêu ở mục II.2) là do cùng một người viết, ký ra. ”.

Như vậy, sự việc bà Lâm Thục M vay tiền của bà Tống Thị N là có thật. Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập để bà M lên tòa tiến hành lấy mẫu chữ ký, chữ viết và dấu vân tay nhưng bà M không đến, việc bị đơn cố tình tạo hai chữ ký khác nhau trong hồ sơ và khai không nhớ mặc dù đã được sao chụp Biên bản thỏa thuận (Về việc vay tiền) ngày 18/10/2017, Biên bản thỏa thuận (Về việc trả nợ thay thế nghĩa vụ trả nợ của bà Lâm Thục M) ngày 07/12/2017 là chỉ nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Thứ hai, về hiệu lực của Biên bản thỏa thuận (Về việc vay tiền) ngày 18/10/2017:

- Đối với thỏa thuận vay số tiền 10.000 đô la Mỹ (USD):

Căn cứ Điều 22 Pháp lệnh ngoại hối sửa đổi, bổ sung năm 2013 *“Trên lãnh thổ Việt Nam, mọi giao dịch, thanh toán, niêm yết, quảng cáo, báo giá, định giá, ghi giá trong hợp đồng, thỏa thuận và các hình thức tương tự khác của người cư trú, người không cư trú không được thực hiện bằng ngoại hối, trừ các trường hợp được phép theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam”*, căn cứ Điều 123 Bộ luật Dân sự 2015 Hội đồng xét xử xét thấy, việc bà N thỏa thuận cho bà M vay số tiền 10.000 đô la Mỹ là vi phạm điều cấm của pháp luật

nên thỏa thuận này vô hiệu.

Căn cứ Điều 131 của Bộ luật Dân sự 2015 quy định về hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự bị vô hiệu, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N buộc bà M có nghĩa vụ trả lại số tiền 226.900.000 đồng (*Hai trăm hai mươi sáu triệu chín trăm ngàn đồng*) (tương đương 10.000 USD, tỷ giá mua vào USD của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ngày 31/03/2022 là 22.690 đồng/USD).

- Đối với thỏa thuận vay số tiền 700.000.000 đồng:

Xét thấy, tại Biên bản thỏa thuận (Về việc vay tiền) ngày 18/10/2017 thể hiện nội dung: bà M có nợ ông T số tiền 700.000.000 đồng, bà M vay của bà N số tiền 700.000.000 đồng, mục đích bà N sẽ có nghĩa vụ trả số tiền này cho ông T thay cho bà M, thời hạn trả nợ: thời hạn trả nợ được tính từ ngày hai bên xác lập các khoản vay đến khi bà M có đủ điều kiện thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc khi bà N có nhu cầu lấy lại khoản tiền đã cho vay. Thực hiện thỏa thuận, bà M đã trả cho ông T số tiền 700.000.000 đồng theo Biên bản thỏa thuận ngày 07/12/2017. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay ông T đều thừa nhận đã nhận đủ số tiền trên là tiền bà N trả nợ thay cho bà M.

Như vậy, việc thỏa thuận trên giữa bà N và bà M là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự 2015 nên phát sinh hiệu lực và trách nhiệm pháp lý giữa các bên. Nay bà N có nhu cầu lấy lại khoản tiền đã cho vay, bà N đã gửi thông báo đòi nợ cho bà M. Do đó, việc bà N yêu cầu bà M trả lại số tiền 700.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xác định Biên bản thỏa thuận (Về việc vay tiền) ngày 18/10/2017 là vô hiệu một phần, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền 226.900.000 đồng (*Hai trăm hai mươi sáu triệu chín trăm ngàn đồng*) (tương đương 10.000 USD, tỷ giá mua vào USD của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ngày 31/03/2022 là 22.690 đồng/USD) và số tiền 700.000.000 đồng, tổng cộng là: 926.900.000 đồng (*Chín trăm hai mươi sáu triệu chín trăm ngàn đồng*) là có cơ sở nên được chấp nhận.

[2.2] Về tiền lãi suất:

Tại phiên Tòa, nguyên đơn xin rút lại yêu cầu tính lãi đối với số tiền 700.000.000 đồng cho đến ngày Tòa xét xử. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[2.3] Về thời hạn và phương thức thanh toán:

Bà M không trả lại số tiền trên làm ảnh hưởng quyền lợi của bà N. Do đó, việc bà M yêu cầu tòa án buộc bà N phải trả lại số tiền trên một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

[3] Bị đơn yêu cầu nguyên đơn trả tiền hàng hoặc trả lại áo dệt kim:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa, bị đơn xác định chỉ yêu cầu bà N trả tiền hàng hoặc trả lại áo dệt kim, chứ không yêu cầu cản trở việc

lấy hàng vào sổ tiền vay. Mặt khác, bị đơn không xác định được đặc tính của hàng hóa là gì; không rõ AT là ai, người nào, tên gì, địa chỉ ở đâu; bị đơn không có yêu cầu phản tố. Do đó, nếu bị đơn có tranh chấp trả tiền hàng hoặc trả lại áo dệt kim thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về chi phí giám định:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 161 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, do yêu cầu của nguyên đơn được là có căn cứ nên bị đơn có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn số tiền giám định là 3.825.000 đồng (*Ba triệu tám trăm hai mươi lăm ngàn đồng*) theo biên nhận tiền bồi dưỡng giám định ngày 29/03/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả là 926.900.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 161, điểm b và d khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 123, Điều 131, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 22 Pháp lệnh ngoại hối sửa đổi, bổ sung năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1. Biên bản thỏa thuận (Về việc vay tiền) ngày 18/10/2017 là vô hiệu một phần.

1.2. Buộc bà Lâm Thục M có nghĩa vụ thanh toán cho bà Tổng Thị N một lần tổng số tiền là 926.900.000 đồng (*Chín trăm hai mươi sáu triệu chín trăm ngàn đồng*) theo Biên bản thỏa thuận (Về việc vay tiền) ngày 18/10/2017 ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.3. Việc giao nhận tiền được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có

thẩm quyền.

1.4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do tại phiên Tòa nguyên đơn xin rút lại yêu cầu tính lãi đối với số tiền 700.000.000 đồng cho đến ngày Tòa xét xử.

3. Về chi phí giám định:

Bà Lâm Thục M có nghĩa vụ trả lại cho bà Tổng Thị N tiền giám định là 3.825.000 đồng (*Ba triệu tám trăm hai mươi lăm ngàn đồng*) theo biên nhận tiền bồi dưỡng giám định ngày 29/03/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lâm Thục M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 39.807.000 đồng (*Ba mươi chín triệu tám trăm lẻ bảy ngàn đồng*) và nộp tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn lại cho bà Tổng Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.200.195 đồng (*Hai mươi hai triệu hai trăm ngàn một trăm chín mươi lăm đồng*) theo biên lai thu số AA/2018/0027832 ngày 31/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

6. Về thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 10;
- TAND Tp HCM;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- THADS Quận 10;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Thị Thanh Vân